

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 242/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 9 năm 2023

“V/v không công nhận vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Bửu Thương

Ông Nguyễn Văn Nhi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thắm – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 518/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 về việc “Không công nhận vợ chồng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Ông L V S; Sinh năm: 1981

Địa chỉ cư trú: khóm 2, phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

-*Bị đơn:* Bà Đ T H; Sinh năm: 1981;

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của ông L V S tại phiên tòa thể hiện:

- *Về hôn nhân:* Ông L V S và bà Đ K H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, đã ly thân hơn 10 năm. Nay Ông S nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà Đ K H.

- *Về con chung:* Ông S xác định có 01 người con chung tên L V S, sinh ngày 06/4/2004, hiện con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Ông S xác định không có.

- *Về nợ chung:* Ông S xác định không có

Đối với bà **Đ K H** đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do và bà **H** cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của ông **L V S** được xác định là yêu cầu không công nhận vợ chồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà **H** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đề tham gia phiên công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử sơ thẩm nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **H** theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông **L V S** và bà **Đ K H** tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay ông **H** xác định trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và cả hai đều thống nhất chấm dứt mối quan hệ hôn nhân nhưng vì hôn nhân của ông bà vi phạm về mặt hình thức là không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa Ông **S** và bà **H** là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông **L V S** xác định có chung một người con tên **L V S**, sinh ngày 06/4/2002. Hiện con đã trưởng thành, Ông **S** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông **L V S** xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông **L V S** xác định nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận ông **L V S** và bà **Đ K H** là vợ chồng.

2/ Về con chung: Ông **L V S** và bà **Đ K H** xác định có một người con tên **L V S**, sinh ngày 06/4/2004. Hiện con đã trưởng thành, **Ông S** và **bà H** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản chung: **Ông S**, **bà H** xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: **Ông S**, **bà H** xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông **L V S** phải chịu 300.000 đồng. Ngày 21/8/2022 **Ông S** đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0003891 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu, nộp Ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Trúc